

Số: 394/TB-TrTHCS

Mạo Khê, ngày 31 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41		4	33	4		
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Giáo viên THCS)	35		2	29	4		
1	Toán	8			8			
2	Ngữ văn	9		1	6	2		
3	Vật lí	1			1			
	Hóa học	2		1	1			
	Sinh học	2			2			
4	Lịch sử	1						
	Địa lí	1				1		
5	GDCD	1				1		
6	Ngoại ngữ	4			4			
7	GDTC	2			2			
8	Tin học	1			1			
9	Âm nhạc	1			1			
	Mĩ thuật	1			1			
10	Công nghệ	1			1			
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Nhân viên)	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0						
2	Nhân viên Giáo vụ	0						
3	Nhân viên Tư vấn học sinh	0						
4	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						
III	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3		2	1			
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	3			3			
1	Nhân viên Thư viện, QTCS	1			1			
2	Nhân viên Văn thư, KT, TQ, YT	2			2			
V	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ	3						3
1	Nhân viên Vệ sinh	1						1
2	Nhân viên Bảo vệ	2						2

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

STT	Nội dung	Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp			
		Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên							
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Giáo viên THCS	14	21	0	32	3	0	0
1	Toán	3	5		7	1		
2	Ngữ văn	1	6		7	1		
3	Vật lí		1		1			
	Hóa học		2		2			
	Sinh học	1	1		2			
4	Lịch sử		1		1			
	Địa lí	1			1			
5	GDCD	1				1		
6	Ngoại ngữ		4		4			
7	GDTC	0	2		2			
8	Tin học	1			1			
9	Âm nhạc		1		1			
	Mĩ thuật	1			1			
10	Công nghệ		1		1			
II	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	1	2	0	3			
1	Hiệu trưởng		1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1		2			

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Tổng số	Đã hoàn thành CTBD	Chưa hoàn thành CTBD	Ghi chú
-----	----------	---------	--------------------	----------------------	---------

	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41	41		
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Giáo viên THCS	35	35		
1	Toán	8	8		
2	Ngữ văn	9	9		
3	Vật lí	1	1		
	Hóa học	2	2		
	Sinh học	2	2		
4	Lịch sử	1	1		
	Địa lí	1	1		
5	GDCD	1	1		
6	Ngoại ngữ	4	4		
7	GDTC	2	2		
8	Tin học	1	1		
9	Âm nhạc	1	1		
	Mĩ thuật	1	1		
10	Công nghệ	1	1		
II	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	3		
1	Hiệu trưởng	1	1		
2	Phó hiệu trưởng	2	2		
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Nhân viên)	0	0	0	0
1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0			
2	Nhân viên Giáo vụ	0			
3	Nhân viên Tư vấn học sinh	0			
4	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0			
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	3	3		
1	Nhân viên Thư viện, QTCS				
2	Nhân viên Văn thư, KT, TQ, YT				
V	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ				
1	Nhân viên Vệ sinh				
2	Nhân viên Bảo vệ				

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Phú